

Số: 656 /QĐ-STNMT

Bắc Giang, ngày 25 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các khu chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 01 /2015/TT-BKHĐT ngày 14/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Hồ sơ mời quan tâm, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu DVTV;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia đấu thầu tại Tờ trình 01/TTr-TCG ngày 24/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Có nội dung Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu kèm theo)

Điều 2: Giao Tổ chuyên gia đấu thầu và Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tổ chức lựa chọn các nhà thầu thực hiện Dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Trung tâm CNTT có trách nhiệm đăng tải Quyết định này.

Điều 3. Thủ trưởng các phòng, đơn vị: Văn phòng Sở, Kế hoạch Tài chính, Tài nguyên khoáng sản, Trung tâm Công nghệ thông tin căn cứ quyết định thi hành./.

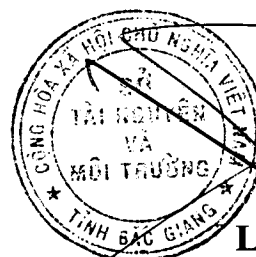
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- Lãnh đạo Sở;
- VPS, TNKS, TTCNTT.

GIÁM ĐỐC



Lưu Xuân Vượng

Bắc Giang, ngày 25 tháng 11 năm 2019

Số: /TTr-TCG

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: **Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các khi chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Kính gửi: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 01 /2015/TT-BKHĐT ngày 14/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Hồ sơ mời quan tâm, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu DVTV;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TNMT ngày 22/11/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu, Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các khi chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Tổ chuyên gia trình Giám đốc Sở phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các khi chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Có các văn bản và Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu kèm theo)

Đề nghị Giám đốc Sở xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ thẩm định;
- Lưu: VT, Hồ sơ (03 bản).

TỔ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thắm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

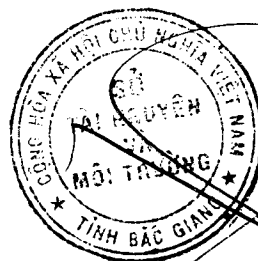
HỒ SƠ YÊU CẦU
CHỈ ĐỊNH THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA

Tên gói thầu: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Phát hành ngày: 28 tháng 11 năm 2019

Ban hành kèm theo Quyết định: Số 656/QĐ-TNMT ngày 25/11/2019

BÊN MỜI THẦU
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BẮC GIANG *U*



Bắc Giang, Tháng 11/2019

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang
Dự toán	Dự toán mua sắm thường xuyên
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, gói thầu: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên ngân sách tỉnh năm 2019;

3. Thời gian thực hiện hợp đồng là: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan

Tất cả hàng hóa và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế.

Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

Thuật ngữ “các dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như: bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau

bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...

Nhà thầu phải nêu rõ ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của hàng hóa để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan theo quy định.

Mục 5. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là tối thiểu 03 ngày làm việc. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 7. Thành phần của HSDX

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

1. Đơn đề xuất chỉ định thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định của HSYC này;

5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu;

Mục 8. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất chỉ định thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC,

kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV – Phạm vi cung cấp và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc theo Mẫu số 04, 04a, 04b Chương III - Biểu mẫu.

Mục 9. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan

1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX chứng minh rằng hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp.

2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp.

3. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng... cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn 12 tháng sau khi hàng hóa bắt đầu được đưa vào sử dụng.

Mục 10. Hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 11. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và 03 bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thảo thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu.

Mục 12. Thời hạn nộp HSDX

HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: 16 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 12 năm 2019;

Mục 13. Nhà thầu phụ

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng thầu phụ thì phải kê khai danh sách thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương III – Biểu mẫu. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu chính chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 50% giá dự thầu của nhà thầu.

3. Nhà thầu phụ đặc biệt : Không được phép sử dụng;

Trong trường hợp được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu chính phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 10(b) Chương III – Biểu mẫu và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Bên mời thầu sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của HSYC và nhà thầu chính có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì HSDX của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của HSYC.

Mục 14. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

2. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu được mời nhà thầu đến giải thích, làm rõ, sửa đổi, bổ sung các thông tin cần thiết của HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu của HSYC về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, biện pháp cung cấp hàng hóa.

Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 15. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá đề nghị chỉ định thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn tối đa là 05 ngày làm việc sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu được chỉ định thầu.

Điều 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ không tiến hành ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và mời nhà thầu khác đến nhận HSYC.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 18. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với nội dung và yêu cầu như quy định tại ĐKCT. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh quy định tại HSYC này hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.
2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:
 - a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
 - b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
 - c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 19. Giải quyết kiến nghị

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII

Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: *Sở Tài nguyên và Môi trường – Số 50, đường Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền – Thành phố Bắc Giang. Điện thoại 0204 3 850 877.*

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: *Ông Lưu Xuân Vượng – Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Số 50, đường Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền – Thành phố Bắc Giang.*

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: *Phòng Kế hoạch – Tài chính. Điện thoại: 0204 3 850 877*

Mục 20. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: *Phòng Kế hoạch – Tài chính. Điện thoại: 0204 3 850 877*

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn đề xuất chỉ định thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chỉ định thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn đề xuất chỉ định thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn đề xuất chỉ định thầu phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
- đ) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- e) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); trong đó nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên liên danh đảm nhận;
- g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu chính (trừ trường hợp HSDX quy định được phép sử dụng thầu phụ đặc biệt). Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên của nhà thầu liên danh) được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả các nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung sau:

TT	Các tiêu chí đánh giá		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
I	Về năng lực và kinh nghiệm						
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 11
II	Năng lực tài chính						
1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính từ năm 2016 đến năm 2018 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	
	Doanh		Phải		Phải thỏa		Mẫu số 12

2	thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 750 triệu VND, trong vòng 03 năm gần đây.	thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	
3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	Số lượng hợp đồng tương tự về cung cấp, xây dựng phần mềm nội bộ cho đơn vị nhà nước trong 3 năm gần đây có giá trị trên 350 triệu (Tính đến thời điểm đóng thầu): \geq 01 hợp đồng;	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	(cung cấp bản sao công chứng hợp đồng để chứng minh)
5	Khả năng bảo hành, bảo trì hoặc các dịch vụ sau bán hàng khác	<i>Có cam kết bảo hành cho hệ thống \geq 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng, hệ thống hỗ trợ Hotline 24/24h khắc phục sự cố trong vòng 04 giờ</i>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	

2.2 . Tiêu chuẩn đánh giá nhân sự chủ chốt

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Trình độ chuyên môn (Trình độ tối thiểu, Chứng chỉ hành nghề...)	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu_năm)
1	Đội trưởng /	01	Tốt nghiệp đại học thuộc một trong các chuyên ngành: tin học, kỹ thuật phần mềm, hệ thống	09

	Chủ nhiệm gói thầu		thông tin, công nghệ thông tin, Toán – Tin học; tin học quản lý; tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính; điện tử - viễn thông;	
2	Cán bộ lập trình	03	Tốt nghiệp đại học thuộc một trong các chuyên ngành: tin học, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, công nghệ thông tin, Toán – Tin học; tin học quản lý; tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính;	06
3	Cán bộ kiểm thử phần mềm (kiêm cán bộ đào tạo, chuyển giao công nghệ)	01	Tốt nghiệp đại học thuộc một trong các chuyên ngành: tin học, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, công nghệ thông tin, Toán – Tin học; tin học quản lý; tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính;	03
4	Cán bộ đào tạo chuyển giao công nghệ	01	Tốt nghiệp đại học thuộc một trong các chuyên ngành: tin học, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, công nghệ thông tin, Toán – Tin học; tin học quản lý; tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính;	03

Nhà thầu phải cung cấp bản đề xuất nhân sự chủ chốt theo Mẫu số 09 Chương III – Biểu mẫu.

2.3. Đối với nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không áp dụng;

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chí “đạt”/“không đạt”, bao gồm các nội dung cơ bản dưới đây.

STT	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt
I	YÊU CẦU KỸ THUẬT		
1	Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật	Nhà thầu có đề xuất giải pháp kỹ thuật công nghệ, xây dựng phần mềm đáp ứng toàn bộ chức năng phần mềm tại Mục 2. Chương IV của HSYC	Đạt
		Nhà thầu không đề xuất hoặc có đề xuất giải pháp kỹ thuật công nghệ, xây dựng phần mềm không đáp ứng toàn bộ chức năng phần mềm tại Mục 2. Chương IV của HSYC	Không đạt
2	Biện pháp tổ chức xây dựng, triển khai phần mềm		
	Tính hợp lý, và khả thi của biện pháp tổ chức xây dựng, triển khai phần mềm	Có đề xuất và thuyết minh biện pháp tổ chức xây dựng, triển khai phần mềm hợp lý và khả thi. Có bảng tiến độ triển khai đáp ứng yêu cầu của HSYC.	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
II	YÊU CẦU BẢO HÀNH		
1	Thời gian Bảo hành	≥ 12 tháng	Đạt
		< 12 tháng	Không đạt
2	Nội dung bảo hành	Có cam kết: - Khắc phục các sự cố trong vòng 04 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư. - Thực hiện vá lỗi, cập nhật miễn phí các bản vá lỗi của phần mềm thuộc phạm vi của gói thầu. - Hỗ trợ những vấn đề liên quan đến các sản phẩm cung cấp.	Đạt
		Không có cam kết hoặc không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt
III	YÊU CẦU KHÁC		
1	Yêu cầu về đào tạo hướng dẫn sử dụng người dùng	Có phương án đào tạo hướng dẫn sử dụng người dùng đáp ứng yêu cầu tại Mục 2. Chương IV của HSYC	Đạt

STT	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt
		Không có hoặc có phương án đào tạo hướng dẫn sử dụng người dùng nhưng không đáp ứng yêu cầu tại Mục 2. Chương IV của HSYC	Không đạt
KẾT LUẬN			Đạt/ Không đạt

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHỈ ĐỊNH THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu*]. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [*Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu*].

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất này là trung thực và không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều kiện chung của hợp đồng trong hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi ngày có thời điểm đóng thầu*].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Nếu nhà thầu được chỉ định thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

- Căn cứ⁽²⁾ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- [- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;
- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc từng thành viên đảm nhận trong liên danh như sau⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
...	...		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;
- Hủy thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án _____ [*Ghi tên dự án*] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾ *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH *[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn đề xuất chỉ định thầu)</i>	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
					
n	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp;

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá dự thầu tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 04b. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời thầu ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp.

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____
 Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
<ol style="list-style-type: none"> Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH⁽¹⁾

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao, các hạn mức tín dụng và các nguồn tài chính khác (không phải là các khoản tạm ứng theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu tại Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VND)
1		
2		
3		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Nhà thầu độc lập hoặc từng thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;

- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (tổng nguồn lực tài chính quy định tại Mẫu này);

- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện nêu tại Mẫu số 07 Chương này.

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN⁽¹⁾

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) ⁽²⁾	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) ⁽³⁾	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng(B/A)
1						
2						
...						
Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)						

Ghi chú:

(1) Nhà thầu độc lập hoặc từng thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét theo xác định của chủ đầu tư. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ NHÀ THẦU ĐÃ THỰC HIỆN⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[Ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[Ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương __ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[Ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[Ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương __ VND
Tên dự án:	[Ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên chủ đầu tư:	[Ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:	[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	[Ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[Ghi số tiền quy đổi ra VND]		
3. Về quy mô thực hiện	[Ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[Ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

BẢN ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
...	Vị trí công việc
	Tên

Đối với từng vị trí công việc nêu tại Mẫu này thì nhà thầu phải đính kèm lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt. Nội dung lý lịch chuyên môn phải thể hiện được thông tin liên lạc, trình độ, quá trình đào tạo và quá trình làm việc cho đến thời điểm hiện tại của từng nhân sự.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Ghi cụ thể khối lượng công việc.

(5) Ghi giá trị % công việc ước tính mà từng nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà thầu phụ và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT⁽¹⁾

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu quy định không cho phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì xóa Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.

(3) Bên mời thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.

(5) Ghi giá trị % công việc ước tính mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

<p>Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.</p>			
<p><input type="checkbox"/> Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.</p> <p><input type="checkbox"/> Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.</p>			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VNĐ)
		<p>Mô tả hợp đồng:</p> <p>Tên Chủ đầu tư:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:</p>	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDX sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM
TỪ HOẠT ĐỘNG _____⁽¹⁾**

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm từ hoạt động _____ của nhà thầu hoặc của từng thành viên liên danh về các khoản tiền theo hóa đơn xuất cho nhà thầu hoặc của từng thành viên liên danh trong từng năm đối với công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành.

Số liệu doanh thu hàng năm từ hoạt động xây dựng cho _____ năm gần nhất ⁽²⁾	
Năm	Số tiền (VNĐ)
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động _____	

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.

(2) Bên mời thầu cần ghi thời hạn được mô tả tại tiêu chí đánh giá 3.2 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP
Chương IV. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

1.1. Biểu phạm vi cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Mô tả⁽¹⁾	Ghi chú
1	Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		Gói	01		

Ghi chú:

(1) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Mục 2 – Chương này.

b) Bên mời thầu liệt kê danh mục dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu (nếu có) theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm nơi thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1					
2					
...					

1.2. Biểu tiến độ cung cấp

Tiến độ yêu cầu cung cấp cần được bên mời thầu lập thành biểu tiến độ cung cấp cụ thể phù hợp với gói thầu.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp ⁽¹⁾	Địa điểm cung cấp
1	Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Gói	01	<=30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cài đặt phần mềm tại Sở TNMT tỉnh Bắc Giang kết nối tới các doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

2.1. Giới thiệu chung về dự toán và gói thầu

- Tên danh mục/ dự toán: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;
- Tên gói thầu: Xây dựng phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;
- Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;
- Địa điểm ghi nhận và quản lý dữ liệu: Tại Phòng Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.
- Quy mô của gói thầu: Phần mềm kết nối với trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa, bến bãi chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, triển khai cài đặt tại trung tâm kiểm soát của Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang;
- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên ngân sách tỉnh năm 2019;

- Mục tiêu gói thầu:

- Phần mềm được xây dựng nhằm mục đích lưu giữ số liệu, truy xuất dữ liệu cần thiết theo yêu cầu của người dùng nhằm phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;
- Hệ thống phần mềm của Sở sau khi xây dựng, phải đáp ứng các tiêu chuẩn chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin điện tử của Sở;
- Hệ thống phải có khả năng cung cấp mở rộng các kênh giao tiếp đơn giản, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân như sử dụng mạng internet,
- Hệ thống phải cung cấp công cụ chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp, chuyên môn cho cơ quan hành chính nhà nước, cho phép cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước phối hợp giải quyết chuyên môn giữa Sở và phòng khoáng sản liên quan xuyên suốt, nhất quán nhưng vẫn đảm bảo chính xác, chặt chẽ, giám sát hoạt động tại các mỏ.
- Hệ thống phải cung cấp một nền tảng ứng dụng hiện đại để từng bước cho phép các cơ quan nhà nước của Sở phối hợp phòng khoáng sản trên môi trường mạng một cách xuyên suốt, nhất quán theo tinh thần chỉ đạo của lãnh đạo của Sở.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.2.1. Yêu cầu chung:

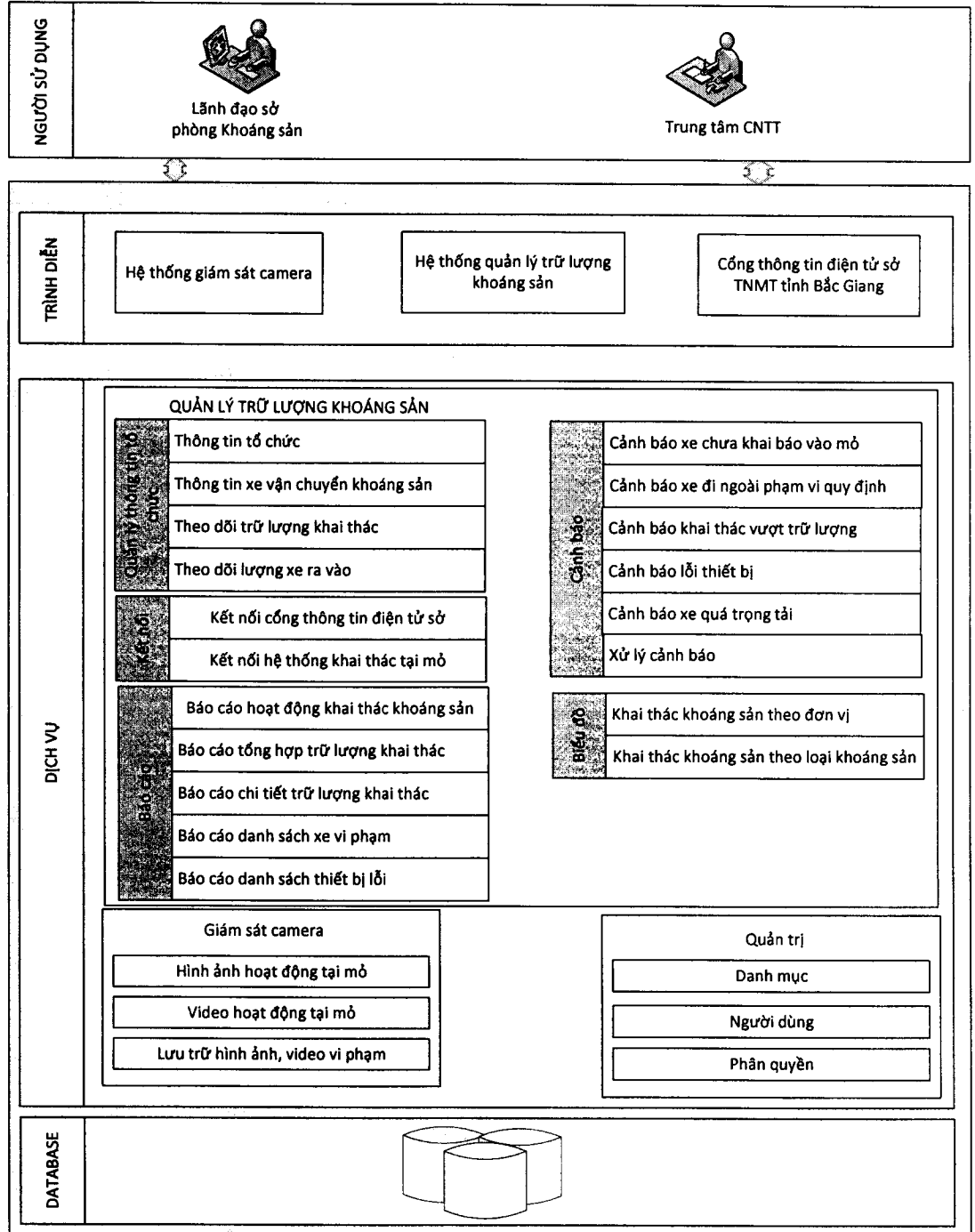
- Tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn công nghệ phổ biến, các tiêu chuẩn nghiệp vụ, các định hướng, quy định của Chính phủ và Bộ TT&TT.
- Hướng tới một hệ thống mở, đảm bảo tính kế thừa, nâng cấp, mở rộng trong tương lai.
- Phù hợp với các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hoạt động của các nguồn thải;
- Đảm bảo khách quan, hướng tới hệ thống tổng thể, thống nhất, khả chuyên, an toàn và bảo mật, hợp lý và hiệu quả.
- Thiết kế mở: Phần mềm phải được thiết kế theo phương pháp mở hướng đối tượng để dễ dàng nâng cấp bổ sung bảo hành bảo trì sau này.
- Web-base: Được xây dựng hoàn toàn trên nền tảng web với khả năng tương thích cao với các trình duyệt phổ biến như IE, Firefox, Chrome..., hạn chế các phần mềm cài đặt trên các máy trạm, đáp ứng khả năng làm việc mọi lúc mọi nơi.
- Mô hình triển khai: Phần mềm phải được thiết kế mềm dẻo để có thể triển khai theo nhiều mô hình khác nhau như mô hình đơn một máy chủ, mô hình Farm nhiều máy chủ, mô hình an toàn HA, DR...

- Kiến trúc phần mềm cần tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang, phiên bản 1.0 (Được phê duyệt theo Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 30/03/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang);

2.2.2. Yêu cầu cụ thể:

2.2.2.1. Mô hình giải pháp kỹ thuật

❖ Mô hình tổng thể ứng dụng phần mềm:



Diễn giải:

- **Người sử dụng:** Đối tượng tham gia vận hành phần mềm gồm:
 - + **Lãnh đạo Sở:** theo dõi kết quả khai thác sản lượng khoáng sản trên toàn tỉnh

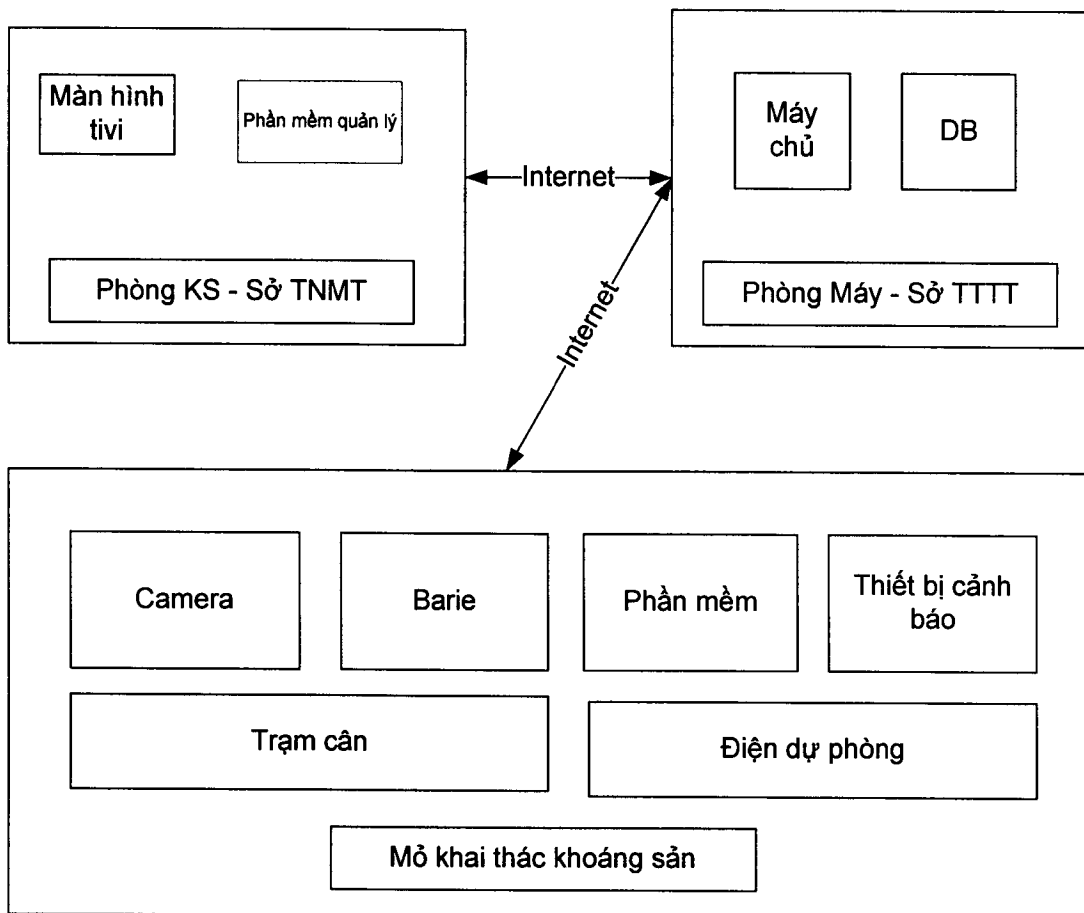
- + Phòng khoáng sản: tham gia theo dõi, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản tại các doanh nghiệp;
- + Trung tâm CNTT: cấu hình, duy trì phần mềm. Hỗ trợ kỹ thuật về CNTT.
- **Tầng trình diễn:** là tầng trung gian kết nối giữa người dùng và tầng cung cấp dịch vụ, tầng trình diễn gồm:
 - + Hệ thống giám sát camera: cung cấp hình ảnh và video từ các điểm khai thác khoáng sản về trung tâm.
 - + Hệ thống quản lý sản lượng khoáng sản: cung cấp chức năng tương tác nghiệp vụ cho người dùng đối với phần mềm. Đây là phần chính của hệ thống
 - + Công thông tin điện tử: Chia sẻ dữ liệu thông tin sản lượng khoáng sản khai thác, kết quả theo từng giai đoạn. Những nội dung liên quan đến quản lý và khai thác khoáng sản.
- **Dịch vụ:** đây là tầng quan trọng của hệ thống, cung cấp tất cả quy trình nghiệp vụ cho người sử dụng trong quá trình khai thác và quản lý sản lượng khoáng sản.
 - + Quản lý sản lượng khoáng sản:
 - Quản lý tổ chức khai thác khoáng sản: Định nghĩa thông tin về tổ chức khai thác khoáng sản, quản lý thông tin xe vận chuyển khoáng sản, theo dõi sản lượng khoáng sản được khai thác.
 - Báo cáo: cung cấp hệ thống thống kê báo cáo sản lượng khai thác từng mỏ, toàn tỉnh: báo cáo hoạt động khai thác, báo cáo tổng hợp, báo cáo chi tiết về quá trình hoạt động và khai thác sản lượng khoáng sản, báo cáo xe vi phạm, báo cáo lỗi thiết bị;
 - Kết nối: đây là cầu nối giữa trung tâm (tại sở TNMT) và các doanh nghiệp khai thác khoáng sản. Phần kết nối đưa ra chuẩn và tiêu chí kết nối cụ thể đối với từng nghiệp vụ.
 - Cảnh báo: đây là phân hệ cung cấp các tiện ích cho người dùng trong quá trình theo dõi, giám sát hệ thống. Hệ thống tự động phát cảnh báo khi: xe chưa khai báo vẫn hoạt động trong mỏ, xe di chuyển ngoài vùng quy định, khai thác vượt sản lượng được cấp phép...
 - Biểu đồ: thể hiện trực quan dữ liệu khai thác khoáng sản trên dạng biểu đồ gồm: biểu đồ tổng hợp sản lượng khai thác khoáng sản theo đơn vị và biểu đồ khai thác sản lượng khoáng sản theo loại khoáng sản
 - + Giám sát camera: ngoài việc giám sát bằng dữ liệu số được gửi về trung tâm từ các điểm mỏ khai thác còn cần hình ảnh, video tại các điểm mỏ để giám sát trực quan và làm căn cứ khi có sự cố. Phân hệ kết nối tất cả camera triển khai riêng lẻ trên các điểm khai thác

khoáng sản, và hiển thị lại trên những khung hình quy định. Phân hệ gồm:

- Hình ảnh hoạt động tại mỏ
 - Video hoạt động tại mỏ
 - Dữ liệu hình ảnh, video vi phạm
- + Quản trị hệ thống: đây là phân hệ nền cung cấp cấu hình, khai báo để hệ thống hoạt động:
- Phân hệ danh mục: khai báo danh mục chung
 - Người dùng: khai báo định nghĩa người sử dụng mới trong hệ thống
 - Phân quyền: cung cấp chức năng tương tác trên phần mềm cho từng người sử dụng

- Database: lưu dữ cơ sở dữ liệu về hoạt động khai thác khoáng sản trên toàn địa bàn;

❖ *Mô hình triển khai:*



✦ *Mô tả chung:*

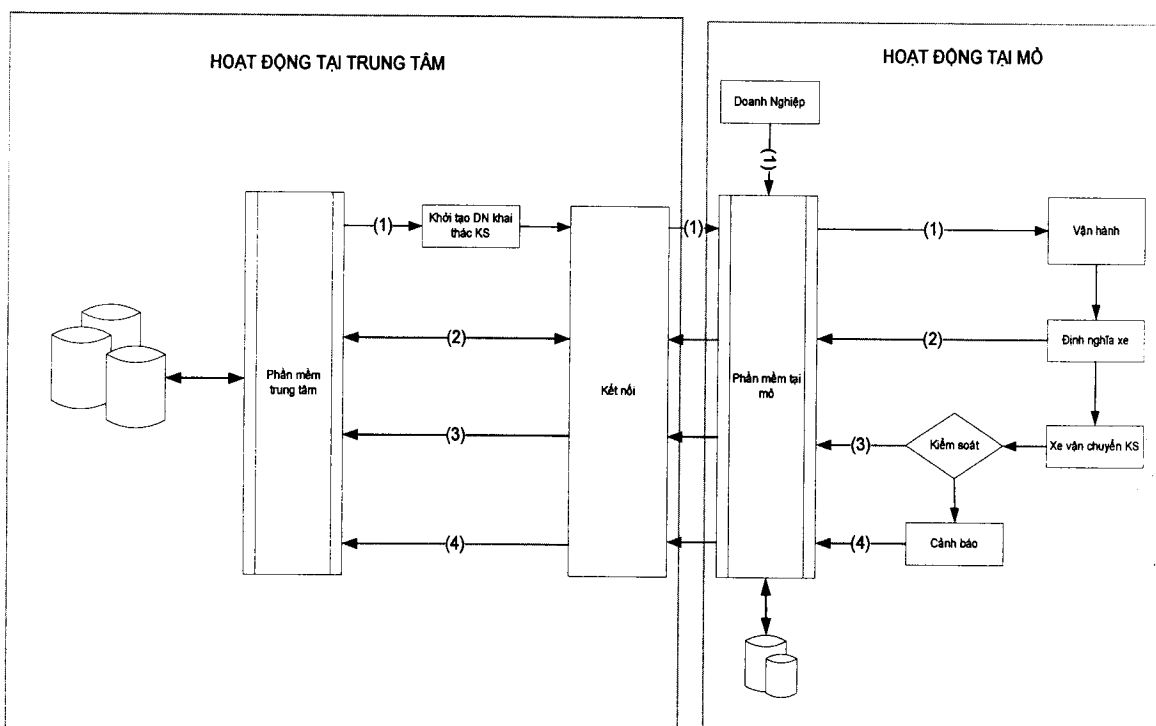
- Hệ thống triển khai độc lập tại các điểm mỏ, kết nối truyền dữ liệu về trung tâm qua hệ thống mạng internet. Hệ thống trung tâm cung cấp webservice nhận dữ liệu từ các điểm mỏ.
- Phòng Khoáng Sản – Sở TNMT: giám sát mọi hoạt động các điểm khai thác khoáng sản (mỏ) thông qua phần mềm quản lý hoạt động tất cả mỏ trên địa bàn.

- Phòng máy chủ - Sở TTTT: nơi đặt máy chủ ứng dụng và lưu trữ dữ liệu:
 - Dữ liệu video từ camera
 - Dữ liệu hình ảnh từ camera
 - Dữ liệu text: dữ liệu quản lý hoạt động khai thác
- Hệ thống tại mỏ khai thác:
 - Camera: lưu hình ảnh và video
 - Barie: chặn ra, vào mỏ
 - Phần mềm: quản lý hoạt động tại mỏ
 - Thiết bị cảnh báo: cảnh báo lỗi từng vị trí, nguyên nhân
 - Trạm cân: cân trọng tải xe ra
 - Điện dự phòng: cung cấp điện năng khi mất điện lưới

Yêu cầu hạ tầng máy chủ

- CPU: 4 x Intel Xeon X5660 2.8GHz
- RAM: 4x 8GB RAM DDR3 PC8500/1024GB 18MB L3 Cache
- HDD: 100TB (có thể mở rộng khi cần)
- Hệ điều hành: windows server 2012 enterprise

2.2.2.2. Mô tả yêu cầu chức năng, quy trình nghiệp vụ phần mềm



Diễn giải quy trình:

- Mọi hoạt động khai thác đều từ Trung tâm điều khiển kiểm soát. Dữ liệu được phân tán tại các mỏ đảm bảo hoạt động 24/24 của mỏ và được truyền về lưu trữ tập trung tại Trung tâm kiểm soát của Sở TN&MT.
- (1) - Để một doanh nghiệp tham gia vào hệ thống phần mềm, người dùng tại Sở TN&MT (đã được giao quyền) khởi tạo mới một thông tin doanh nghiệp

và cung cấp cho doanh nghiệp tại khoản vào hệ thống. Doanh nghiệp dùng tài khoản đã được cấp định nghĩa các hoạt động “vận hành” tại mỏ.

(2) - Doanh nghiệp định nghĩa xe và vận chuyển khoáng sản, thông tin xe được lưu dữ tại phần mềm quản lý hoạt động tại mỏ, đồng thời thông tin được gửi lên phần mềm trung tâm thông qua kết nối trung gian. Trung tâm giám sát và phê duyệt mọi hoạt động cấp phép xe ra vào khai thác vận chuyển khoáng sản.

(3) - Khi xe vận chuyển khoáng sản trong phạm vi mỏ và khi ra ngoài mỏ đều thông qua hệ thống kiểm soát tại mỏ (camera, trạm cân). Trong quá trình kiểm soát nếu phát hiện vi phạm hệ thống gửi cảnh báo vào phần mềm tại mỏ và chuyển dữ liệu cảnh báo lên trung tâm qua cổng kết nối

(4) - Dữ liệu sản lượng trên xe vận chuyển được lưu vào hệ thống phần mềm tại mỏ và lưu trữ trên trung tâm dữ liệu.

2.2.2.3 Yêu cầu chức năng phần mềm

Stt	Tên use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng	Mức độ BM T	Yêu cầu
I	Quản lý thông tin tổ chức					
1	Thông tin tổ chức	Chuyên viên		Xem danh sách thông tin tổ chức khai thác khoáng sản Thêm mới một tổ chức khai thác khoáng sản Sửa thông tin một tổ chức khai thác khoáng sản Xóa một tổ chức khai thác khoáng sản Thay đổi trạng thái tổ chức khai thác khoáng sản Tìm kiếm tổ chức khai thác khoáng sản	B	Bắt buộc
2	Thông tin xe vận chuyển khoáng sản	Chuyên viên		Xem danh sách xe vận chuyển khoáng sản từng đơn vị Tìm kiếm xe vận chuyển khoáng sản theo biển số xe Phân trang trên danh sách xe vận chuyển khoáng sản Xem chi tiết thông tin xe vận chuyển khoáng sản	B	Bắt buộc
3	Theo dõi trữ lượng khoáng	Chuyên viên		Xem trữ lượng khoáng sản toàn tỉnh Xem trữ lượng khoáng sản theo từng đơn vị	B	Bắt buộc

Stt	Tên use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng	Mức độ BMT	Yêu cầu
	sản			Xem trữ lượng khoáng sản theo khoảng thời gian Tạo biểu mẫu in trữ lượng khoáng sản		
4	Theo dõi lượng xe vào	Chuyên viên		Xem danh sách xe vào mỏ trên toàn tỉnh Xem danh sách xe vào mỏ theo từng đơn vị Xem danh sách xe vào mỏ theo khoảng thời gian, đơn vị Xem chi tiết thông tin xe vào mỏ Xem hình ảnh xe vào mỏ	B	Bắt buộc
II	Hệ thống cảnh báo					
5	Cảnh báo xe chưa khai báo vào mỏ	Chuyên viên, lãnh đạo phòng		Xem danh sách xe chưa khai báo vào mỏ trên toàn tỉnh Xem danh sách xe chưa khai báo vào mỏ trên từng đơn vị Xem chi tiết hình ảnh xe chưa khai báo Xem chi tiết thông tin xe chưa khai báo vào mỏ Tạo biểu mẫu cảnh báo xe chưa khai báo	B	Bắt buộc
6	Cảnh báo xe đi ngoài vùng quy định	Chuyên viên, lãnh đạo phòng		Xem danh sách xe đi ngoài vùng quy định trên toàn tỉnh Xem danh sách xe đi ngoài vùng quy định theo từng đơn vị Xem chi tiết hình ảnh, video xe hoạt động ngoài vùng quy định Tạo biểu mẫu cảnh báo xe đi ngoài vùng quy định In cảnh báo	B	Bắt buộc
7	Cảnh báo khai thác vượt trữ lượng	Chuyên viên, lãnh đạo phòng		Xem danh sách đơn vị khai thác vượt trữ lượng Xem danh sách đơn vị vượt trữ lượng khai thác theo thời gian Phân trang trên danh sách Xem chi tiết đơn vị khai thác vượt trữ lượng	B	Bắt buộc
8	Cảnh báo lỗi thiết bị	Chuyên viên, lãnh đạo		Xem danh sách cảnh báo lỗi thiết bị trên toàn tỉnh Xem danh sách cảnh báo lỗi	B	Bắt buộc

Stt	Tên use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng	Mức độ BM T	Yêu cầu
		phòng		thiết bị theo đơn vị khai thác Xem danh sách cảnh báo theo lỗi từng nhóm thiết bị (camera, trạm cân...) Xem chi tiết một thông báo lỗi Tạo biểu mẫu thông báo lỗi cảnh báo In biểu mẫu		
9	Cảnh báo xe quá trọng tải	Chuyên viên, lãnh đạo phòng		Xem danh sách xe quá trọng tải trên toàn tỉnh Xem danh sách xe quá trọng tải theo từng đơn vị Phân trang trên danh sách Xem chi tiết xe quá trọng tải: hình ảnh hoặc video Tạo biểu mẫu thông báo xe quá trọng tải In biểu mẫu	B	Bắt buộc
10	Xử lý cảnh báo	Chuyên viên, lãnh đạo phòng		Xem danh sách cảnh báo theo từng mức độ Đề xuất phương án xử lý cảnh báo Tạo biểu mẫu đề xuất xử lý cảnh báo In đề xuất xử lý cảnh báo Thông báo đến đơn vị khai thác bị cảnh báo	B	Bắt buộc
III	Báo cáo					
11	Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản	Lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở		Báo cáo tổng hợp hoạt động khai thác khoáng sản trên toàn tỉnh Báo cáo tổng hợp hoạt động khai thác khoáng sản theo từng nhóm khoáng sản Báo cáo tổng hợp hoạt động khai thác khoáng sản theo thời gian Báo cáo tổng hợp khai thác khoáng sản theo từng địa giới hành chính Huyện/Thành phố Tạo biểu mẫu tổng hợp khai thác khoáng sản Kết xuất biểu mẫu ra word,	B	Bắt buộc

Stt	Tên use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng	Mức độ BM T	Yêu cầu
				excel, in báo cáo		
12	Báo cáo tổng hợp trữ lượng khai thác	Lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở		Báo cáo tổng hợp trữ lượng khai thác khoáng sản trên từng toàn tỉnh Báo cáo tổng hợp trữ lượng khai thác khoáng sản trên từng đơn vị Tạo biểu mẫu tổng hợp trữ lượng khai thác khoáng sản Báo cáo tổng hợp trữ lượng khai thác khoáng sản theo từng Huyện/Thành phố Báo cáo tổng hợp trữ lượng khai thác khoáng sản theo khoảng thời gian Kết xuất biểu mẫu ra word, excel, in báo cáo	B	Bắt buộc
13	Báo cáo chi tiết trữ lượng khoáng sản	Lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở		Báo cáo chi tiết trữ lượng khai thác theo từng nhóm khoáng sản Báo cáo chi tiết trữ lượng khai thác theo từng đơn vị Báo cáo chi tiết trữ lượng khai thác theo thời gian Tạo biểu mẫu chi tiết Báo cáo chi tiết trữ lượng khai thác theo cấp Huyện/Thành phố Kết xuất biểu mẫu ra word, excel, in báo cáo	B	Bắt buộc
IV	Hệ thống kết nối					
14	Kết nối công thông tin điện tử	Chuyên viên, cá nhân		Thiết lập thông tin kết nối Gửi dữ liệu lên cổng thông tin Xem danh sách dữ liệu đã gửi lên cổng thông tin Xem chi tiết dữ liệu đã gửi lên cổng thông tin	B	Bắt buộc
15	Kết nối từ trung tâm – mở: nhận trữ lượng khoáng	Chuyên viên		Thiết lập thông tin kết nối Định nghĩa cấu trúc dữ liệu trao đổi kết nối Xem danh sách nhận dữ liệu trữ lượng Xem chi tiết dữ liệu trữ lượng nhận	B	Bắt buộc

Stt	Tên use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng	Mức độ BM T	Yêu cầu
	sản					
16	Kết nối từ mô - trung tâm: nhận thông tin đơn vị	Chuyên viên		Thiết lập thông tin kết nối	B	Bắt buộc
				Định nghĩa cấu trúc dữ liệu trao đổi kết nối		
				Kết nối phần mềm mô từ tài khoản trung tâm tạo		
				Kiểm soát hoạt động tài khoản đã tạo		
V	Giám sát camera					
17	Hình ảnh tại mô	Chuyên viên		Xem danh sách hình ảnh gửi về từ các mô	B	Bắt buộc
				Xem danh sách hình ảnh gửi về từ mô cụ thể		
				Xem hình ảnh theo khoảng thời gian nhận		
				Xem chi tiết một hình ảnh đã nhận		
				Tải hình ảnh đã nhận		
18	Video hoạt động tại mô	Chuyên viên		Xem danh sách video gửi về từ các mô	B	Bắt buộc
				Xem danh sách video gửi về từ mô cụ thể		
				Xem video theo khoảng thời gian nhận		
				Xem chi tiết một video đã nhận		
				Tải video đã nhận		
19	Lưu trữ hình ảnh, video vi phạm	Chuyên viên		Thiết lập thông số lưu hình ảnh, video vi phạm	B	Bắt buộc
				Xem lại hình ảnh, video vi phạm		
				Tải hình ảnh, video vi phạm		
				Xem chi tiết hình ảnh, video theo từng đơn vị vi phạm		
VI	Quản trị					
20	Quản trị danh mục nhóm khoáng sản	Quản trị hệ thống		Xem danh sách nhóm khoáng sản	B	Bắt buộc
				Thêm mới nhóm khoáng sản		
				Sửa nhóm khoáng sản		
				Xóa nhóm khoáng sản		
				Xem chi tiết nhóm khoáng sản		
21	Quản trị danh mục	Quản trị hệ thống		Xem danh sách loại khoáng sản	B	Bắt buộc
				Thêm mới loại khoáng sản		
				Sửa loại khoáng sản		

Stt	Tên use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng	Mức độ BM T	Yêu cầu
	khoáng sản			Xóa loại khoáng sản Xem chi tiết loại khoáng sản		
22	Quản trị người dùng	Quản trị hệ thống		Xem danh sách người sử dụng Thêm mới một người sử dụng Sửa thông tin người sử dụng Xóa thông tin người sử dụng Xem chi tiết thông tin người sử dụng	B	Bắt buộc
23	Phân quyền	Quản trị hệ thống		Xem danh sách phân quyền theo nhóm Thêm mới một quyền theo nhóm Sửa một quyền theo nhóm Xóa một quyền theo nhóm	B	Bắt buộc
24	Sao lưu dữ liệu	Quản trị hệ thống		Thiết lập thông tin sao lưu dữ liệu Xem danh sách dữ liệu đã sao lưu Xem chi tiết dữ liệu sao lưu Tải dữ liệu sao lưu	B	Bắt buộc
25	Quản trị danh mục cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản	Quản trị hệ thống		Danh sách cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản Thêm mới một cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản Sửa thông tin một cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản Xóa cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản	B	Bắt buộc

2.3. Các yêu cầu khác

2.3.1. Yêu cầu về phần cứng:

STT	Hạng mục thiết bị	Mô tả công việc cần thực hiện
1	Tại Barie ra vào (Tại các điểm mở- Các điểm mở phải đầu tư)	
	Hệ camera đặt quét biển số xe	Phát hiện chuyển động xe, chụp lại khu vực biển số xe

		<p>Yêu cầu: Cam 2-5 megapixel,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chống ngược sáng - Công nghệ HDTV - Zoom tự động, lấy nét tự động - Tiêu chuẩn chống nước, chống bụi > IP66. - Công nghệ hồng ngoại EXIR
		- Hệ thống cảnh báo lỗi
		- Chụp ảnh và video gửi về trung tâm tại sở khi xe đi ra và vào qua barie
		- Phần mềm: kiểm tra biển số xe đã có trong hệ thống chưa
	Hệ thống barie	<ul style="list-style-type: none"> - Điều khiển đóng mở thủ công - Tích hợp thiết bị điều khiển đóng mở tự động: thiết bị và phần mềm nhúng - Hệ thống cảnh báo lỗi
		- Phần mềm: Nhận biển số xe từ dữ liệu phân tích, nếu có điều khiển barie mở
	Điện dự phòng	Thiết bị điện dự phòng
2	Trạm cân (Tại các điểm mở- Các điểm mở phải đầu tư)	
	Thiết bị đặt tại trạm cân	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị kết nối trạm cân đọc số liệu khi cân trọng tải xe - Gửi kết quả trọng tải về phần mềm
		- Thiết bị điện dự phòng
		- Hệ thống cảnh báo lỗi
		- Phần mềm: nhận kết quả trạm cân, nhận biển số xe từ hệ thống phân tích camera. Xử lý dữ liệu hiển thị thông số lên bảng LED, in phiếu...
3	Điều khiển trung tâm (Đặt	

	tại Sở- STNMT đầu tư)	
	Hiển thị hệ thống camera lên tivi	Đầu nối thiết bị hiển thị thông tin camera tại tất cả các điểm, hiển thị lần lượt các điểm, hiện cảnh báo
		Lưu trữ dữ liệu hình ảnh, video từ các điểm truyền về
	Hệ thống phần mềm	Thu thập số liệu từ điểm triển khai, tổng hợp, báo cáo...

2.3.2. Yêu cầu đào tạo, chuyển giao công nghệ

Nhà cung cấp sau khi hoàn thành việc xây dựng phần mềm phải có kế hoạch đào tạo, chuyển giao công nghệ đối với cán bộ quản trị và người sử dụng vận hành hệ thống phần mềm.

2.3.3. Yêu cầu về bảo hành, hỗ trợ

Nhà cung cấp sau khi hoàn thành việc xây dựng phần mềm và đưa vào sử dụng được yêu cầu bảo hành trong vòng 12 tháng;

Khắc phục sự cố của phần mềm không quá 4 giờ (giờ hành chính) kể từ khi được thông báo;

Đơn vị cung cấp đảm bảo có mặt tại trụ sở, nơi có sự cố trong vòng 24 giờ làm việc khi nhận được yêu cầu về sự cố kỹ thuật.

Đơn vị cung cấp phần mềm có trách nhiệm nghiên cứu và đề xuất giải pháp khắc phục lỗi chậm nhất là 36 giờ làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

2.3.4. Yêu cầu về bàn giao hệ thống

Sau khi hoàn thành, nghiệm thu hệ thống, nhà cung cấp có trách nhiệm bàn giao cài đặt hệ thống, hoàn thiện tài liệu hướng dẫn cài đặt và tích hợp, sau đó bàn giao cho Chủ đầu tư.

2.3.5. Yêu cầu về an toàn, bảo mật thông tin

- Ngăn chặn truy cập trái phép, ngăn chặn thay đổi trái phép nội dung;
- Có thể phục hồi hệ thống nhanh chóng khi có sự cố;
- Có chính sách bảo mật và an ninh...

2.3.6. Tính kết nối, trao đổi dữ liệu

Hệ thống phần mềm được xây dựng phải tương thích các thiết bị ngoại vi:

- Cho phép kết nối với máy quét, máy in, máy vi tính,...;
- Phần mềm trao đổi dữ liệu hệ thống khác thông qua:
- Cung cấp các dữ liệu đầu ra theo chuẩn XML để phục vụ công tác lập báo cáo theo quy định hiện hành, theo quy định nội bộ của đơn vị, đồng thời

cung cấp dữ liệu theo các khuôn dạng thống nhất phục vụ quy trình trao đổi thông tin với các hệ thống khác.

- Cấu trúc dữ liệu của tệp XML được xác định tùy thuộc vào nhu cầu trao đổi thông tin của hệ thống.
- Thủ tục trao đổi thông tin với các hệ thống thông tin khác cần có sự thỏa thuận và thống nhất trước khi tiến hành kết nối các hệ thống.

2.3.7. Yêu cầu về giao diện, mỹ thuật

- Bố cục trình bày dễ xem và dễ sử dụng;
- Màu sắc dễ nhìn, không gây mệt mỏi, căng thẳng cho người sử dụng;
- Thiết kế đơn giản, đẹp và tạo ấn tượng cho người xem;
- Giao diện dễ dùng, thuận tiện cho người sử dụng, tuân thủ thiết kế về giao diện...
- Hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu trên giao diện Webform, đảm bảo tính hợp lý của quy trình nghiệp vụ, thân thiện với người sử dụng, đảm bảo việc cập nhật và khai thác dữ liệu được thuận tiện và nhanh chóng. Hệ thống hỗ trợ tối đa xử lý bằng bàn phím.
- Hệ thống tự động nhận diện được độ phân giải màn hình đối với giao diện Webform để có chế độ hiển thị phù hợp, giao diện văn bản và in ấn sử dụng bộ mã chuẩn Unicode theo TCVN 6909:2001 phù hợp với quyết định 72/2002/QĐ-TT ngày 10/06/2002 của Bộ KH-CN-MT.
- Khuôn dạng hiển thị ngày DD/MM/YYYY và căn giữa.
- Các trường thể hiện dữ liệu kiểu text căn bên trái.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG
VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các Nhà thầu phụ do Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc Nhà thầu thực hiện các phần công việc mà Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Chủ đầu tư chấp thuận;1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;1.8. “Hàng hóa” bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế;1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp
----------------------	---

	<p>đồng;</p> <p>1.11. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại ĐKCT.</p>
2. Thứ tự ưu tiên	<p>Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.3. ĐKCT;</p> <p>2.4. ĐKC;</p> <p>2.5. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu;</p> <p>2.6. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);</p> <p>2.7. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.</p>
3. Luật và ngôn ngữ	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật của Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
4. Ủy quyền	<p>Trừ khi có quy định khác trong ĐKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.</p>
5. Thông báo	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại ĐKCT. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT.</p> <p>6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p>
7. Nhà thầu phụ	<p>7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực</p>

	<p>hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>7.2. Nhà thầu không được sử dụng Nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong HSDX.</p> <p>7.3. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
<p>8. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>
<p>9. Phạm vi cung cấp</p>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại hàng hóa, dịch vụ đó.</p>
<p>10. Tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ</p>	<p>Tiến độ cung cấp hàng hoá và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương IV – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p>11. Trách nhiệm</p>	<p>Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ Hàng hóa và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC</p>

của Nhà thầu	và theo tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>12.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
15. Tạm ứng	<p>15.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn</p>

	thành làm cơ sở thanh toán.
16. Thanh toán	<p>16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
17. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
18. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>18.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>18.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 18.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.</p> <p>18.3. Các tài liệu quy định tại Mục 18.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
19. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương IV – Phạm vi cung cấp; nếu tại Mục 2 Chương IV không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện

	hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
20. Đóng gói hàng hoá	Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyên hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
21. Bảo hiểm	Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.
22. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác được quy định tại ĐKCT.
23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	<p>23.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT.</p> <p>23.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.</p> <p>23.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.2 ĐKC, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>

<p>24. Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng</p>	<p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC.</p>
<p>25. Bảo hành</p>	<p>25.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, Nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.</p> <p>25.2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại ĐKCT.</p>
<p>26. Bất khả kháng</p>	<p>26.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>26.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu</p>

	<p>tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>26.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
<p>27. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng</p>	<p>27.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; d) Thay đổi địa điểm giao hàng; đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; e) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. <p>27.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
<p>28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>28.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>28.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>28.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem</p>

	<p>xét, quyết định.</p> <p>28.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
<p>29. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>29.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <p>a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;</p> <p>b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>29.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 29.1 ĐKC thì Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>29.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 29.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: ___[ghi tên hợp pháp đầy đủ của Chủ đầu tư].
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
ĐKC 1.11	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: ___[ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm].
ĐKC 2.7	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: ___[liệt kê tài liệu].
ĐKC 4	Chủ đầu tư [có thể hoặc không thể] ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: ___[ghi tên đầy đủ của người nhận (nếu có)]. Địa chỉ: ___[ghi đầy đủ địa chỉ]. Điện thoại: ___[ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố]. Fax: ___[ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố]. Địa chỉ email: ___[ghi địa chỉ email (nếu có)].
ĐKC 6.1	<p>- Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng đến Chủ đầu tư không muộn hơn [Ghi ngày mà nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho phù hợp]</p> <p>- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___[căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu, quy định Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh thì phải là bảo lãnh không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 12 Chương VII – Biểu mẫu hợp đồng)].</p> <p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___% Giá hợp đồng. [ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% Giá hợp đồng].</p> <p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp</p>

	đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ [căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ [ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].
ĐKC 7.1	Danh sách Nhà thầu phụ: ____ [ghi danh sách Nhà thầu phụ phù hợp với danh sách Nhà thầu phụ nêu trong HSDX].
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ : ____ [ghi yêu cầu khác về Nhà thầu phụ (nếu có)].
ĐKC 8.2	Thời gian đề tiến hành hòa giải: ____ [ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa]. Giải quyết tranh chấp: ____ [ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa: ____ [ghi tên các tài liệu chứng từ cần có]. Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi hàng hóa đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: ____ [ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: ____ [ghi giá hợp đồng theo quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: - Đối với loại hợp đồng trọn gói: ____ [ghi “không áp dụng”]; - Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: ____ [ghi như sau: “a) Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực; b) Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực

hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 28 ĐKC. Không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng;

c) Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc điều chỉnh giá sẽ được thực hiện theo công thức sau:

$$P_1 = P_0 [a + \frac{bL_1}{L_0} + \frac{cM_1}{M_0}] - P_0$$
$$a+b+c = 1$$

Trong đó:

P_1 = Giá phải trả cho Nhà thầu sau khi điều chỉnh

P_0 = Giá Hợp đồng (giá cơ bản)

a = yếu tố cố định thể hiện lợi nhuận và phí quản lý chung được gộp vào trong Giá hợp đồng, thông thường trong khoảng từ 5% đến 15%

b = ước tính tỷ lệ của chi phí lao động (nhân công) trong giá hợp đồng

c = ước tính tỷ lệ của chi phí vật tư trong giá hợp đồng

L_0, L_1 = lần lượt là chỉ số giá nhân công áp dụng cho ngành sản xuất hàng hóa tại nước xuất xứ của hàng hóa vào ngày cơ bản và ngày điều chỉnh giá

M_0, M_1 = lần lượt là chỉ số giá vật tư vào ngày cơ bản và ngày điều chỉnh giá tại nước xuất xứ của hàng hóa

Trong HSDX, Nhà thầu phải ghi rõ nguồn trích dẫn các chỉ số đó, và giá trị các chỉ số vào ngày cơ bản.

Các hệ số $a, b,$ và c sẽ do Bên mời thầu xác định như sau:

$a = [điền\ giá\ trị\ hệ\ số]$

$b = [điền\ giá\ trị\ hệ\ số]$

$c = [điền\ giá\ trị\ hệ\ số]$

Ngày cơ bản = 28 ngày trước thời điểm đóng thầu.

Ngày điều chỉnh giá = $[điền\ số\ tuần]$ tuần trước ngày chất hàng lên tàu (thường tương ứng với thời điểm khi quá trình sản xuất đã hoàn thành một nửa).

Điều kiện thực hiện điều chỉnh giá:

(i) Không được phép điều chỉnh giá ngoài thời hạn giao hàng gốc.

	<p>Thông thường, điều chỉnh giá không được áp dụng cho khoảng thời gian chậm trễ mà Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm.</p> <p>(ii) Nếu đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 không phải là đồng tiền ghi chỉ số giá nhân công và vật tư thì sẽ áp dụng một hệ số quy đổi để tránh sai sót khi điều chỉnh giá hợp đồng. Hệ số quy đổi phải tương ứng với tỷ lệ tỷ giá hối đoái giữa hai đồng tiền vào ngày cơ bản và ngày điều chỉnh giá đã xác định ở trên.</p> <p>(iii) Số tiền tương ứng với khoản thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu sẽ không được điều chỉnh giá.</p> <p>d) Điều chỉnh khối lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh; - Đối với những khối lượng công việc trong bảng giá hợp đồng mà thực tế thực hiện chênh lệch quá 20% khối lượng quy định ban đầu thì hai bên phải thỏa thuận nguyên tắc điều chỉnh đơn giá hợp lý, phù hợp với điều kiện thay đổi khối lượng (tăng hoặc giảm) khi thanh toán cho phần khối lượng thực hiện chênh lệch quá 20% này; - Những khối lượng phát sinh ngoài điều kiện quy định điều chỉnh ban đầu của hợp đồng hoặc trường hợp cần phải có sự tham gia của cả hai bên trong hợp đồng để ngăn ngừa, khắc phục các rủi ro thuộc trách nhiệm một bên thì hai bên cùng bàn bạc thống nhất biện pháp xử lý.
ĐKC 14	<p>Điều chỉnh thuế: <u> </u> [ghi “được phép” hoặc “không được phép” áp dụng điều chỉnh thuế. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].</p>
ĐKC 15.1	<p>Tạm ứng: <u> </u> [ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 13 Chương VII – Biểu mẫu hợp đồng. Đối với việc sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn, một số vật liệu phải dự trữ theo mùa thì trong hợp đồng phải nêu rõ về kế hoạch tạm ứng và mức tạm ứng để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng].</p>
ĐKC 16.1	<p>Phương thức thanh toán: <u> </u> [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, chuyển khoản... số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc</p>

	<i>thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].</i>
ĐKC 20	<i>Đóng gói hàng hóa: ___[căn cứ quy mô, tính chất của từng loại hàng hóa cũng như phương thức vận chuyển mà quy định cụ thể việc đóng gói. Trong đó cần nêu rõ quy định về cách thức đóng gói, vật liệu đóng gói, thông tin về hàng hóa ghi trên bao kiện đóng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ, vận chuyển...].</i>
ĐKC 21	<i>Nội dung bảo hiểm: ___[căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với các điều kiện thương mại được áp dụng].</i>
ĐKC 22	<p><i>- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: ___[nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng tùy theo yêu cầu và tính chất của gói thầu].</i></p> <p><i>- Các yêu cầu khác: ___[căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định nội dung này, chẳng hạn yêu cầu về phụ tùng thay thế, dịch vụ kỹ thuật kèm theo đối với máy móc, thiết bị, ...</i></p> <p><i>+ Phụ tùng thay thế: Trường hợp có yêu cầu về phụ tùng thay thế thì nêu rõ nội dung này trên cơ sở phù hợp với yêu cầu quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.</i></p> <p><i>+ Dịch vụ kỹ thuật: Trường hợp có yêu cầu về dịch vụ kỹ thuật thì nêu rõ nội dung này trên cơ sở phù hợp với Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp, ví dụ:</i></p> <p><i>a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử các máy móc, thiết bị đã cung cấp;</i></p> <p><i>b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng máy móc, thiết bị được cung cấp;</i></p> <p><i>c) Cung cấp các tài liệu chỉ dẫn chi tiết về vận hành và bảo dưỡng cho mỗi loại thiết bị được cung cấp;</i></p> <p><i>d) Thực hiện hoặc giám sát việc bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị đã cung cấp;</i></p> <p><i>đ) Đào tạo nhân sự cho Chủ đầu tư về việc lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị được cung cấp;</i></p> <p><i>e) Các nội dung khác (nếu có)].</i></p>

<p>ĐKC 23.1</p>	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: ___[căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể việc kiểm tra, thử nghiệm của Nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu quy định tại Chương IV - Phạm vi cung cấp. Việc kiểm tra, thử nghiệm có thể quy định theo từng giai đoạn như: trước khi giao hàng, khi hàng đến... Trong các quy định về kiểm tra, thử nghiệm cần nêu được các nội dung cơ bản như: thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm].</p>
<p>ĐKC 24</p>	<p>Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: _____ % [ghi mức bồi thường thiệt hại tối đa].</p> <p>Mức khấu trừ: _____%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể quy định về mức khấu trừ là bao nhiêu % nội dung công việc chậm thực hiện tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu].</p> <p>Mức khấu trừ tối đa: _____ % [ghi mức khấu trừ tối đa].</p>
<p>ĐKC 25.1</p>	<p>Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: ___[nêu nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa (nếu có). Ví dụ: hàng hóa đã qua sử dụng phải bảo đảm còn trên 70% giá trị sử dụng].</p>
<p>ĐKC 25.2</p>	<p>Yêu cầu về bảo hành: ___[nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) trên cơ sở quy định một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn bảo hành: Thời hạn bảo hành được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu. Tùy theo tính chất, yêu cầu của hàng hóa mà có thể quy định thời hạn bảo hành cho toàn bộ hàng hóa hoặc quy định riêng cho từng loại hàng hóa. - Bảo hành: Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể. Đối với các loại hàng hóa đơn giản thì yêu cầu Nhà thầu có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Nhà thầu. Đối với các loại hàng hóa phức tạp thì ngoài việc có phiếu bảo hành kèm theo còn phải quy định Chủ đầu tư giữ lại một phần giá trị của hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng. Trong trường hợp này, cần quy định cụ thể giá trị khoản tiền giữ lại và thời hạn hoàn trả cho Nhà thầu (ví dụ sẽ hoàn trả lại cho Nhà thầu khi hai bên thanh lý hợp đồng). - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: Cần nêu thời gian Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật phát sinh;

	<i>thời hạn Nhà thầu phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư; chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật và Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục...].</i>
ĐKC 27.1 (e)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: <i>__[nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)].</i>
ĐKC 28.4	Các trường hợp khác: <i>__[nêu cụ thể các trường hợp khác (nếu có)].</i>
ĐKC 29.1 (d)	Các hành vi khác: <i>__[nêu cụ thể các hành vi khác (nếu có)].</i>

Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội);

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư [ghi tên Chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất của Nhà thầu (nếu có);
7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 16.1 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng: ____ [*ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12.1 ĐKCT*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __ bộ, Chủ đầu tư giữ __ bộ, Nhà thầu giữ __ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSDX của Nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 04, Mẫu số 04a, Mẫu số 04b Chương III – Biểu mẫu trong HSYC này].

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 15.1 ĐKCT của HSYC*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 15.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.